

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật quy hoạch.*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động quy hoạch, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện các loại quy hoạch; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động quy hoạch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động quy hoạch trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy hoạch* là định hướng và sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững do Nhà nước đặt ra cho thời kỳ dài hạn trên lãnh thổ xác định.

2. *Quy hoạch tổng thể quốc gia* là việc định hướng chiến lược về phân bố phát triển và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế trên lãnh thổ quốc gia.

3. *Quy hoạch ngành quốc gia* là việc phân bổ phát triển, liên kết giữa các ngành và tổ chức không gian ngành trên các vùng lãnh thổ của cả nước.

4. *Quy hoạch vùng* là việc tuân thủ và cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia về phân bố phát triển và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, phân vùng chức năng, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các ngành trên lãnh thổ vùng.

5. *Quy hoạch tỉnh* là việc tuân thủ và cụ thể hóa các định hướng phát triển của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và sắp xếp, phân bố hợp lý không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, xã hội, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, nông thôn trên lãnh thổ tỉnh.

6. *Quy hoạch đô thị* là việc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị.

7. *Quy hoạch nông thôn* là việc tổ chức không gian, sử dụng đất, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của nông thôn.

8. *Hoạt động quy hoạch* bao gồm: tổ chức lập quy hoạch; tổ chức thẩm định quy hoạch; phê duyệt quy hoạch; công khai quy hoạch; điều chỉnh quy hoạch; tổ chức thực hiện quy hoạch; giám sát, đánh giá về quy hoạch.

9. *Hồ sơ quy hoạch* là tài liệu thể hiện nội dung quy hoạch, bao gồm báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, sơ đồ, bản đồ và mô hình (nếu có).

10. *Vùng kinh tế - xã hội* (sau đây gọi chung là vùng) là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liền kề có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử, văn hóa, dân cư, kết cấu hạ tầng và có mối quan hệ tương tác tạo nên sự liên kết bền vững với nhau.

11. *Thời kỳ quy hoạch* là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế, xã hội cho việc lập quy hoạch.

12. *Sơ đồ, bản đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung các phương án quy hoạch.

13. *Giám sát hoạt động quy hoạch* là việc theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành và địa phương; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, thiếu sót để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quy hoạch.

14. *Đánh giá thực hiện quy hoạch* là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu cụ thể so với quy

hoạch được phê duyệt theo các nhóm tiêu chí đánh giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

15. *Kế hoạch thực hiện quy hoạch* là việc cụ thể hóa quy hoạch được phê duyệt thành kế hoạch trong đó xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

16. *Phát triển bền vững* là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch

1. Hoạt động quy hoạch phải tuân theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đảm bảo tính thống nhất giữa chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, tính kế thừa trong hệ thống quy hoạch ở Việt Nam.

4. Đảm bảo sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong hoạt động quy hoạch và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong hoạt động quy hoạch.

5. Đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch.

6. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động quy hoạch.

7. Phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động quy hoạch, đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch.

Điều 5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phải theo trình tự sau đây:

1. Tổ chức lập quy hoạch:

a) Lập, phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch;

b) Lập quy hoạch;

c) Lấy ý kiến về quy hoạch.

2. Tổ chức thẩm định quy hoạch.

3. Phê duyệt quy hoạch.

Điều 6. Thời kỳ quy hoạch

Thời kỳ quy hoạch là 10 năm, tầm nhìn là 20 năm. Các quy hoạch kết cấu hạ tầng phải có tầm nhìn từ 30 năm đến 50 năm.

Điều 7. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch

1. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch được bố trí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ kinh phí cho các hoạt động quy hoạch.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc sử dụng kinh phí cho hoạt động quy hoạch.

Điều 8. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch

1. Nhà nước điều hành phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động các nguồn lực để thúc đẩy phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động quy hoạch; đầu tư, sản xuất kinh doanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các hoạt động quy hoạch.

5. Nhà nước tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động quy hoạch mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 9. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch.

2. Tổ chức thực hiện các hoạt động quy hoạch; ban hành cơ chế, chính sách quản lý phát triển theo quy hoạch.

3. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về quy hoạch.

4. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện hoạt động quy hoạch.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.

6. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động quy hoạch.

7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch.

8. Giám sát, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch và tuân thủ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia ý kiến về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình trong hoạt động quy hoạch.

3. Cơ quan quản lý nhà nước được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện quy hoạch phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch.

4. Ý kiến của tổ chức, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu và công khai.

Điều 11. Các hành vi bị cấm

1. Quyết định lập, phê duyệt quy hoạch không phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch.

2. Đưa, nhận, môi giới hối lộ, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động quy hoạch.

3. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động quy hoạch.

4. Tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và cá nhân tham gia lập quy hoạch không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Cản trở việc tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quy hoạch; cản trở hoặc gây khó khăn trong việc giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch.

6. Từ chối cung cấp thông tin, trù trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch.

7. Thực hiện trái quy hoạch đã được phê duyệt.
8. Cản trở, gây khó khăn cho việc thực hiện các hoạt động quy hoạch.

CHƯƠNG II
LẬP QUY HOẠCH
Mục 1
HỆ THỐNG QUY HOẠCH

Điều 12. Hệ thống quy hoạch

Hệ thống quy hoạch được quy định trong Luật này bao gồm:

1. Cấp quốc gia:

a) Quy hoạch tổng thể quốc gia;

b) Quy hoạch ngành quốc gia. Danh mục các ngành quốc gia lập quy hoạch quy định tại Phụ lục 1 của Luật này. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát danh mục các ngành quốc gia lập quy hoạch tại Phụ lục 1 của Luật này và trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung theo thủ tục rút gọn.

2. Cấp vùng: Quy hoạch vùng. Chính phủ quy định chi tiết các vùng phải lập quy hoạch.

3. Cấp tỉnh: Quy hoạch tỉnh.

4. Cấp huyện, cấp xã: Quy hoạch đô thị, nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 13. Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch

1. Quy hoạch được lập theo thứ bậc từ trên xuống dưới như sau: quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị, nông thôn trên cả nước.

3. Quy hoạch cấp vùng phải phù hợp quy hoạch cấp quốc gia.

4. Quy hoạch cấp tỉnh phải phù hợp quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng.

5. Quy hoạch đô thị, nông thôn phải phù hợp quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

6. Trường hợp quy hoạch cấp dưới được lập trước quy hoạch cấp trên thì quy hoạch cấp trên phải kế thừa những nội dung phù hợp của quy hoạch

cấp dưới. Sau khi quy hoạch cấp trên được phê duyệt, quy hoạch cấp dưới phải được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cấp trên.

Mục 2 **TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.
2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật này.
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Quy trình phối hợp lập quy hoạch

1. Quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau:
 - a) Cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ lập quy hoạch (sau đây gọi chung là cơ quan tổ chức lập quy hoạch) chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
 - b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội đất nước, vùng; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;
 - c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và gửi cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch;
 - d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng;
 - đ) Các Bộ, cơ quan ngang bộ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

e) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

2. Quy trình lập quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau:

a) Các Bộ được giao nhiệm vụ tổ chức lập quy hoạch xây dựng nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng các nội dung quy hoạch và gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan;

c) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

3. Quy trình lập quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan tổ chức lập quy hoạch) xây dựng nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp các Sở, ngành nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

c) Các Sở, ngành xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và gửi cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp các Sở, ngành xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Sở, ngành lập;

đ) Các Sở, ngành điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

e) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

Điều 16. Nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch

1. Nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch bao gồm nội dung chủ yếu sau:

a) Căn cứ lập quy hoạch.

b) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch.

c) Kinh phí lập quy hoạch.

d) Thời hạn lập quy hoạch.

đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

2. Phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch tỉnh.

Điều 17. Tư vấn lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân; đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận.

3. Cá nhân tham gia lập quy hoạch phải có năng lực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhận.

Điều 18. Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là một nội dung của quy hoạch và phải được lập đồng thời với quá trình lập quy hoạch.

3. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

4. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện trước khi thẩm định quy hoạch.

Điều 19. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về quy hoạch.

2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu, đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

3. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về quy hoạch được thực hiện thông qua lấy ý kiến đại diện cộng đồng bằng hình thức phát phiếu điều tra phỏng vấn hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo, đăng tải trên trang thông tin điện tử. Đại diện cộng đồng được lấy ý kiến có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

4. Các ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

5. Chính phủ quy định việc lấy ý kiến đối với từng loại quy hoạch.

Mục 3 NỘI DUNG QUY HOẠCH

Điều 20. Quy định chung về nội dung quy hoạch

1. Nội dung các loại quy hoạch phải phù hợp, thống nhất với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong cùng giai đoạn phát triển.

2. Nội dung quy hoạch thời kỳ sau phải kế thừa những nội dung còn phù hợp của quy hoạch thời kỳ trước.

3. Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ quy hoạch. Trường hợp nội dung quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải căn cứ vào nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia.

4. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia chỉ xác định những định hướng chiến lược về phân bố phát triển và tổ chức không gian các hoạt động

kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng.

5. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia chỉ xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các ngành mang tính liên vùng, liên tỉnh.

6. Nội dung quy hoạch vùng chỉ xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường có tính liên tỉnh, cấp vùng.

7. Nội dung quy hoạch tỉnh phải thể hiện các công trình cấp quốc tế, quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, các công trình cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch cấp vùng; định hướng phát triển các công trình cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn các huyện.

Điều 21. Nguyên tắc lập quy hoạch

1. Bảo đảm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

2. Việc phân bố phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải đảm bảo thống nhất giữa kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bố đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái.

3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

4. Đảm bảo sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình lập quy hoạch.

5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế, xã hội và môi trường đối với sinh kế của cộng đồng, đối với phụ nữ và trẻ em; quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, chậm phát triển và sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, chậm phát triển.

6. Bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích công và lợi ích tư và giữa các lợi ích của các cấp lãnh thổ khác nhau.

7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình lập quy hoạch.

8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Điều 22. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia

1. Quy hoạch tổng thể quốc gia phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia, các chủ trương, định hướng phát triển lớn, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và các nguồn lực phát triển; xu thế phát triển công nghệ; xác định các sản phẩm quốc gia, các khu vực bảo tồn, khu vực hạn chế khai thác, sử dụng, khu vực khuyến khích phát triển và các vấn đề cần phải giải quyết;

b) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;

c) Dự báo viễn cảnh và các kịch bản phát triển;

d) Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội;

đ) Phân vùng và liên kết vùng;

e) Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia;

g) Định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia;

h) Định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia;

i) Định hướng phát triển không gian biển;

k) Định hướng sử dụng đất quốc gia;

l) Định hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu;

m) Xác định danh mục dự án quan trọng quốc gia trên cơ sở cân đối nguồn vốn và phân kỳ thực hiện;

n) Xác định các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện quy hoạch.

2. Chính phủ hướng dẫn chi tiết nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia.

Điều 23. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia

1. Quy hoạch không gian biển quốc gia phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trong vùng bờ biển, biển và hải đảo của Việt Nam;

b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng bờ biển, biển và hải đảo;

c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng bờ biển, biển và hải đảo trong thời kỳ quy hoạch;

d) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức cho các hoạt động sử dụng không gian biển;

đ) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;

e) Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng bờ biển, biển và hải đảo;

g) Phân vùng sử dụng vùng bờ biển, biển và hải đảo;

h) Xác định các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch;

i) Xác định danh mục dự án quan trọng quốc gia trên cơ sở cân đối nguồn vốn và phân kỳ thực hiện;

k) Thể hiện các nội dung quy hoạch trên hệ thống sơ đồ, bản đồ.

2. Quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng quốc gia phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của ngành hạ tầng;

b) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển, biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển ngành hạ tầng của quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành;

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành;

đ) Phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;

e) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành và các hoạt động bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia khi thực hiện quy hoạch;

g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành trên cơ sở cân đối nguồn vốn và phân kỳ thực hiện;

h) Xác định các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch;

i) Thể hiện các nội dung quy hoạch trên hệ thống sơ đồ, bản đồ.

3. Quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên; chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên; các quy hoạch có liên quan; đánh giá tiềm năng khai thác, sử dụng tài nguyên;

b) Điều tra, khảo sát, thăm dò thực trạng tài nguyên; đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên đối với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng tránh thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

c) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Xác định các khu vực bảo tồn, cấm khai thác, sử dụng; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng; khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng;

e) Xác định các phương án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu khi thực hiện quy hoạch;

g) Xác định các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch;

h) Thể hiện các nội dung quy hoạch trên hệ thống sơ đồ, bản đồ.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết nội dung quy hoạch ngành quốc gia quy định tại Phụ lục 1 của Luật này.

Điều 24. Nội dung quy hoạch vùng

Quy hoạch vùng phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện, nguồn lực đặc thù của vùng.
2. Xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển vùng.
3. Xác định phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng.
4. Xác định phương án phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng: xác định các vùng sản xuất tập trung liên tỉnh; xác định hệ thống đô thị cấp vùng và các lưu vực sông.
5. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng.
6. Định hướng bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng.
7. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của vùng trên cơ sở cân đối nguồn vốn và phân kỳ thời gian để bảo đảm thực hiện.
8. Xác định các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện quy hoạch vùng.
9. Thể hiện các nội dung quy hoạch trên hệ thống sơ đồ, bản đồ.

Điều 25. Nội dung quy hoạch tỉnh

Quy hoạch tỉnh phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị.
2. Xác định quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển.
3. Xác định phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
4. Lựa chọn phương án tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:
 - a) Tổ chức lãnh thổ hệ thống đô thị: Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị cấp quốc tế, quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy

hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã thuộc tỉnh; các thị trấn;

b) Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghệ cao và khu công nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển các cụm công nghiệp;

c) Định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư;

d) Xác định phương hướng phát triển những khu vực kém phát triển, những khu vực có vai trò động lực.

5. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng:

a) Mạng lưới giao thông: Cụ thể hóa định hướng phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt, các tuyến đường thủy quốc gia, các cảng biển, sân bay quốc tế, quốc gia, mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển mạng lưới đường tỉnh, đường liên huyện;

b) Mạng lưới cấp điện: Cụ thể hóa định hướng phát triển các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối;

c) Mạng lưới viễn thông: Cụ thể hóa định hướng phát triển các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định các tuyến viễn thông liên huyện;

d) Mạng lưới thủy lợi, cấp nước: Cụ thể hóa định hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện;

đ) Các khu xử lý chất thải: Cụ thể hóa định hướng phát triển các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định các khu xử lý chất thải liên huyện;

e) Kết cấu hạ tầng xã hội: Cụ thể hóa định hướng phát triển các công trình hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định các công

trình kết cấu hạ tầng xã hội của tỉnh (thiết chế văn hóa, thể thao; trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác);

g) Các công trình kết cấu hạ tầng khác.

6. Phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh.

7. Xác định phương án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

8. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh trên cơ sở cân đối nguồn vốn và phân kỳ thực hiện.

9. Xác định các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện quy hoạch.

10. Thể hiện các nội dung quy hoạch trên hệ thống sơ đồ, bản đồ.

CHƯƠNG III THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Mục 1

THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 26. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tỉnh.

Điều 27. Hội đồng thẩm định

1. Thành phần Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần Hội đồng thẩm định do Thủ tướng Chính phủ thành lập bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng. Các Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền lập;

b) Thành phần Hội đồng thẩm định do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan.

2. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức trung cầu ý kiến các tổ chức, hội nghề nghiệp, các chuyên gia thẩm định, phản biện độc lập trước khi trình Hội đồng thẩm định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị thẩm định quy hoạch, hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị thẩm định quy hoạch.

2. Dự thảo văn bản phê duyệt quy hoạch.

3. Báo cáo quy hoạch.

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, địa phương liên quan; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

5. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

6. Sơ đồ, bản đồ các loại.

7. Tài liệu khác (nếu có).

Điều 29. Nội dung thẩm định quy hoạch

Nội dung thẩm định quy hoạch, bao gồm:

1. Việc tuân thủ trình tự, các căn cứ, nguyên tắc lập quy hoạch và phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Sự phù hợp của quy hoạch với các yêu cầu về nội dung của từng loại quy hoạch quy định tại mục 2, Chương II của Luật này.

Điều 30. Báo cáo thẩm định quy hoạch

Chủ tịch Hội đồng thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 31 Luật này báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

Mục 2

PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Điều 31. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Điều 32. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình cơ quan phê duyệt quy hoạch hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch, hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch.
2. Dự thảo văn bản phê duyệt quy hoạch.
3. Báo cáo quy hoạch.
4. Báo cáo thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung quy hoạch.
5. Báo cáo thẩm định, phản biện của các tổ chức, hội nghề nghiệp, chuyên gia độc lập.
6. Sơ đồ, bản đồ các loại.
7. Tài liệu khác (nếu có).

Điều 33. Nội dung phê duyệt quy hoạch

Nội dung phê duyệt quy hoạch bao gồm:

1. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch.
2. Nội dung chính của quy hoạch.
3. Giải pháp thực hiện quy hoạch.
4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch.

CHƯƠNG IV ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Điều 34. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch

1. Cơ quan phê duyệt quy hoạch quyết định việc điều chỉnh quy hoạch do mình phê duyệt.
2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.
3. Việc điều chỉnh quy hoạch phải tuân thủ Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Luật này.

Điều 35. Rà soát quy hoạch

1. Quy hoạch phải được rà soát theo định kỳ 5 năm để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm rà soát quy hoạch đã được phê duyệt trong quá trình thực hiện quy hoạch.

3. Kết quả rà soát, đánh giá quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

4. Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá quy hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Luật này.

Điều 36. Điều kiện điều chỉnh quy hoạch

Việc điều chỉnh quy hoạch chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội làm thay đổi mục tiêu chính của quy hoạch.

2. Có sự điều chỉnh của quy hoạch ở cấp cao hơn.

3. Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô của lãnh thổ lập quy hoạch.

4. Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch.

5. Do biến động bất thường của kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch.

6. Do sự phát triển của khoa học, công nghệ và các điều kiện đảm bảo quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia tác động đến việc thực hiện quy hoạch.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phát hiện những vấn đề không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước.

Điều 37. Hình thức điều chỉnh quy hoạch

1. Điều chỉnh chung quy hoạch được thực hiện khi mục tiêu, định hướng phát triển thay đổi ảnh hưởng đến khả năng thực hiện kịch bản phát triển và không gian phát triển kinh tế - xã hội.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch được thực hiện khi có sự thay đổi một số mục tiêu về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên hoặc do biến động của tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến khả năng thực hiện quy hoạch.

Điều 38. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

1. Điều chỉnh chung quy hoạch thực hiện theo trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch quy định tại Chương II, Chương III của Luật này.

2. Điều chỉnh cục bộ thực hiện như sau:

a) Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định việc điều chỉnh cục bộ bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch;

c) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh quy hoạch là một phần của quy hoạch đã được phê duyệt.

CHƯƠNG V**QUẢN LÝ THỰC HIỆN QUY HOẠCH****Mục 1****NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH****Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động quy hoạch.

2. Trình Quốc hội ban hành luật về quy hoạch.

3. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch thuộc thẩm quyền.

4. Chỉ đạo việc tổ chức lập và thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.

5. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

6. Quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

7. Ban hành quy định cụ thể về điều kiện, năng lực chuyên môn của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch.

8. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong các hoạt động quy hoạch.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành định mức, đơn giá về quy hoạch;

c) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung theo phân công của Thủ tướng Chính phủ trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;

d) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh;

đ) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia; quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch trong phạm vi cả nước;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về quy hoạch;

i) Giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quy hoạch theo thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, nông thôn và quy hoạch ngành quốc gia theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng các nội dung quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý theo phân công của Thủ tướng Chính phủ trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền lập;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch ngành quốc gia và các nội dung quy hoạch trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia; quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành định mức, đơn giá về quy hoạch;

h) Tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh;

i) Giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch theo phân công của Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng các nội dung quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý theo phân công của Thủ tướng Chính phủ trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền lập;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch ngành quốc gia và các nội dung quy hoạch trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia; quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành định mức, đơn giá về quy hoạch;

h) Tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh;

i) Giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quy hoạch theo thẩm quyền.

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch theo phân cấp của Chính phủ.
2. Tổ chức lập quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
3. Phối hợp lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng liên quan.
4. Tham gia ý kiến đối với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh liên quan.
5. Giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quy hoạch theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội khác

1. Các tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch.
2. Giám sát việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch.

Mục 2

THÔNG TIN QUY HOẠCH

Điều 43. Công bố quy hoạch

Các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải được công bố trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 44. Nội dung công bố quy hoạch

1. Nội dung công bố gồm toàn bộ nội dung của quy hoạch đã được phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật quốc gia.
2. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt và công bố kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.

Điều 45. Hình thức công bố quy hoạch

Quy hoạch đã được phê duyệt phải được công bố bằng các hình thức sau đây:

1. Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định, cơ quan phê duyệt quy hoạch.

2. Tổ chức các hội nghị, cuộc họp để công bố.

3. Trưng bày thường xuyên, liên tục các sơ đồ, bản đồ, mô hình tại các triển lãm, trung tâm thông tin quy hoạch.

4. Phát hành ấn phẩm.

Điều 46. Trách nhiệm công bố quy hoạch

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm công bố quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm công bố quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 47. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia

1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia được xây dựng thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho các hoạt động quy hoạch.

2. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia gồm các thành phần cơ bản sau đây:

a) Cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia bao gồm các dữ liệu về tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên;

b) Hệ thống thông tin về các hoạt động quy hoạch;

c) Hệ thống máy tính, phần mềm và các thiết bị phụ trợ phục vụ truy cập, tìm kiếm, xử lý và kết xuất dữ liệu;

d) Hạ tầng mạng thông tin phục vụ kết nối trực tuyến tới các cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

3. Trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia:

a) Nhà nước có chính sách đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia; bảo đảm kinh phí vận hành, duy trì hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

c) Các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan có trách nhiệm cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi mình quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch ở địa phương; cung cấp dữ liệu có liên quan để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm cung cấp cơ sở dữ liệu địa lý đã được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về thông tin địa lý và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

4. Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin, dữ liệu quy hoạch thì được khai thác, sử dụng qua cổng thông tin quy hoạch ở trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ hướng dẫn việc xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia phù hợp với quy định của Chính phủ điện tử.

Điều 48. Cung cấp thông tin quy hoạch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải được cung cấp kịp thời, chính xác cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 49. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch

Thông tin quy hoạch được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng các hình thức sau đây:

1. Bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử.
3. Bằng các ấn phẩm về quy hoạch.
4. Cung cấp thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 50. Lưu trữ hồ sơ quy hoạch

1. Hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.
2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý.

Mục 3 GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH

Điều 51. Giám sát hoạt động quy hoạch

1. Việc tổ chức lập và triển khai thực hiện quy hoạch phải được giám sát của các cơ quan nhà nước và giám sát của xã hội bằng hình thức trực tiếp, gián tiếp hay theo kế hoạch.
2. Giám sát trực tiếp bao gồm:
 - a) Thông qua việc theo dõi nắm bắt tình hình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan;
 - b) Theo dõi nắm bắt tình hình thông qua các cuộc họp triển khai hoạt động quy hoạch.
3. Giám sát gián tiếp bao gồm:
 - a) Thông qua việc rà soát, xem xét các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền ban hành;
 - b) Thông qua các báo cáo tổng kết, báo cáo định kỳ hay đột xuất liên quan đến hoạt động quy hoạch.
4. Giám sát theo kế hoạch bao gồm:
 - a) Tổ chức giám sát theo chương trình, kế hoạch đã định ra;
 - b) Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra định kỳ hay đột xuất hoạt động quy hoạch.

Điều 52. Nội dung giám sát hoạt động quy hoạch

Nội dung giám sát hoạt động quy hoạch bao gồm:

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về quy hoạch.
2. Việc triển khai xây dựng kế hoạch lập quy hoạch.
3. Công tác quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã bố trí cho quy hoạch.
4. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.
5. Việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

Điều 53. Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội giám sát việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch trên phạm vi cả nước;
2. Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch tại địa phương.

Điều 54. Giám sát của cộng đồng

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và công dân có quyền hạn và trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy hoạch, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về quy hoạch.
2. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư giám sát việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn sinh sống, sản xuất kinh doanh, phát hiện kịp thời những vi phạm trong thực hiện quy hoạch.
3. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức và nội dung giám sát của cộng đồng.

Điều 55. Đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.
2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý.
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 56. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch

Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch bao gồm:

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nội dung quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được phê duyệt hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

2. Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch trong kỳ quy hoạch hoặc giai đoạn kỳ quy hoạch tới.

3. Đánh giá tính khả thi của các quy hoạch được phê duyệt.

Mục 4 **THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

Điều 57. Trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch, cơ chế, chính sách và chuẩn bị nguồn lực phát triển theo quy hoạch

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, cơ chế, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch đối với quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được phê duyệt.

Điều 58. Kế hoạch thực hiện quy hoạch

Kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm:

1. Kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Kế hoạch huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư.
3. Kế hoạch sử dụng đất phục vụ cho phát triển theo quy hoạch.
4. Kế hoạch khác.

Điều 59. Cơ chế, chính sách phát triển theo quy hoạch

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh, thành phố phù hợp với cơ chế, chính sách của các cơ quan Trung ương.

Điều 60. Chuẩn bị nguồn lực phát triển

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí các nguồn vốn cho đầu tư phát triển các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chính phủ ban hành danh mục các dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 61. Chuẩn bị đất đai thực hiện quy hoạch

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chính phủ ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách huy động nguồn lực tài chính từ đất để thực hiện quy hoạch.

Điều 62. Báo cáo thực hiện quy hoạch

Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo về hoạt động quy hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Mục 5

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH

Điều 63. Kiểm tra quy hoạch

1. Cơ quan phê duyệt quy hoạch tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch thực hiện kiểm tra việc lập, thẩm định và thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, thực hiện kiểm tra việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 64. Thanh tra quy hoạch

1. Thanh tra hoạt động quy hoạch phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra của các cơ quan, tổ chức và phải đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Kết luận thanh tra về hoạt động quy hoạch được công khai theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động quy hoạch, cơ quan thanh tra xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

Điều 65. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động quy hoạch thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở hoạt động quy hoạch; tự đặt ra các thủ tục, yêu cầu ngoài quy định, trì hoãn việc thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch khi đã có đủ điều kiện theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 66. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực không phải lập, thẩm định, phê duyệt lại.

2. Nguyên tắc chuyển tiếp:

a) Quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019 và nếu phù hợp sẽ được kế thừa trong quy hoạch được lập theo quy định tại Luật này;

b) Đối với các quy hoạch hiện hành không được kế thừa hoặc tích hợp trong quy hoạch được lập theo Luật này, Chính phủ trình Quốc hội ban hành chuyển tiếp các quy định và quy hoạch thuộc thẩm quyền của Quốc hội và ban hành chuyển tiếp các quy định và quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho đến khi hoàn thành việc lập các quy hoạch theo Luật này.

3. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, chỉ lập các quy hoạch được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 12 của Luật này và việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phải theo quy định của Luật này.

4. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch phải thực hiện theo quy định tại Luật này.

5. Chính phủ hướng dẫn chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 67. Hiệu lực, quy định chi tiết thi hành Luật

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật./.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NGÀNH QUỐC GIA LẬP QUY HOẠCH

TT	TÊN QUY HOẠCH	CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP
I	KHÔNG GIAN BIỂN	
1	Quy hoạch không gian biển quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
II	KẾT CẤU HẠ TẦNG	
2	Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia	Bộ Giao thông vận tải
3	Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia	Bộ Giao thông vận tải
4	Quy hoạch hệ thống cảng biển quốc gia	Bộ Giao thông vận tải
5	Quy hoạch hệ thống cảng hàng không quốc gia	Bộ Giao thông vận tải
6	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia	Bộ Giao thông vận tải
7	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia	Bộ Công Thương
8	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	Bộ Công Thương
9	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông
10	Quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Quy hoạch hệ thống các khu du lịch quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	Quy hoạch thiết chế văn hóa và thể thao quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Quy hoạch mạng lưới cơ sở tổ chức khoa học và công nghệ công lập quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ
14	Quy hoạch mạng lưới trường đại học quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
16	Quy hoạch mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội cấp quốc gia	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
17	Quy hoạch mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, phục hồi sức khỏe người có công cấp quốc gia	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
18	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia	Bộ Y tế
20	Quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính
21	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự cấp quốc gia	Bộ Quốc phòng

22	Quy hoạch hệ thống kho đạn dược cấp quốc gia	Bộ Quốc phòng
23	Quy hoạch hệ thống phòng cháy chữa cháy quốc gia	Bộ Công an
24	Quy hoạch hệ thống đô thị quốc gia	Bộ Xây dựng
III	SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG	
25	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
26	Quy hoạch điều tra, khảo sát khoáng sản chung cả nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường
27	Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường
28	Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
29	Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường
30	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ	Bộ Công Thương
31	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản	Bộ Công Thương
32	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng	Bộ Xây dựng
33	Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV	LOẠI HÌNH KHÁC	
34	Quy hoạch do Chính phủ quyết định lập	